

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-08-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 08 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/04/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐ – HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn H, sinh năm: 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PL, xã PH, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị Th, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường CL, phường BT, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/04/2019, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn H tự nguyện kết hôn năm 1998 và đăng ký kết hôn năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên nhậu nhẹt chị K có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng thường cãi vã nhau và vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay. Do tình cảm không còn nên chị K yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Cao Văn H, sinh ngày 05/03/1999 (đã trưởng thành), Cao Văn T, sinh ngày: 19/10/2009, Cao Văn N, sinh ngày 11/05/2005 hiện đang sống với chị K, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Cao Văn H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, về con chung. Theo anh H nguyên nhân mâu thuẫn là do chị K bỏ nhà đi làm ở Bình Dương và Phan Thiết nên anh H buồn mới uống rượu. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh H không đồng ý ly hôn do anh còn thương chị K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con tên Cao Văn H, sinh ngày 05/03/1999 (đã trưởng thành), Cao Văn T, sinh ngày: 19/10/2009, Cao Văn N, sinh ngày 11/05/2005, từ khi vợ chồng ly thân đến nay 02 con chung do chị K nuôi dưỡng. Anh H đồng ý giao 02 con chung cháu T và cháu N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh H khai có 03 công đất vườn tọa lạc tại ấp PL, xã PH, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, hiện chị K và anh H đã cố đất cho chị Bùi Thị Th với giá 200.000.000 đồng khi nào có tiền thì chuộc lại đất. Tuy nhiên tại phiên tòa anh H khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh H khai có nợ chị Bùi Thị Th 200.000.000 đồng tiền cố đất. Tuy nhiên tại phiên tòa anh H khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Th trình bày:

Vào ngày 11/11/2013 chị Bùi Thị Th có mua phần đất của anh H và chị K với diện tích 2.798m² với giá 200.000.000 đồng, chị Th đã giao đủ tiền cho anh H

và chị K và chị Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất hiện chị Th đang quản lý sử dụng. Khi mua đất chị Th có thỏa thuận với chị K và anh H đến ngày 11/11/2025 anh H và chị K có nhu cầu sử dụng đất thì chị Th sẽ cho chuộc lại đất. Nay chị K và anh H ly hôn trong vụ án ly hôn này chị Th không yêu cầu gì. Khi nào phát sinh tranh chấp chị Th sẽ khởi kiện thành vụ án khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại tòa hôm nay, Thẩm phán - Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung chị K được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H chưa cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị K phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thanh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn H tự nguyện kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu chị K có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng thường cãi vã nhau và vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2014 đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không hàn gắn được. Chị K yêu cầu ly hôn, anh H không thống nhất. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, chị K kiên quyết muốn ly hôn nên Hội đồng xét xử cho chị K và anh H ly hôn

[3] Về con chung: Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu T và cháu N đang sống với chị K, đồng thời cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với chị K nhằm để ổn định cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu

T và cháu N cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh H, không ai có quyền cản trở. Đối với cháu Cao Văn H, sinh ngày 05/03/1999 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh H khai có nợ chị Bùi Thị Th 200.000.000 đồng tiền cổ đất. Tuy nhiên qua làm việc với chị Bùi Thị Th thì số tiền 200.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứ không phải tiền cổ đất, trong vụ án này chị Bùi Thị Th không yêu cầu gì. Đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Cao Văn H được ly hôn
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Cao Văn T, sinh ngày: 19/10/2009, Cao Văn N, sinh ngày 11/05/2005 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh H, không ai có quyền cản trở.
3. Về tài sản chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.
4. Về nợ chung: không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018135 ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phát Lộc